

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 248/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/12/2022

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Ông Hoàng Sĩ Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 255/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 358/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Thị V, sinh năm 1993.

Nơi ĐKKHKT: Đội 7, thôn B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Đội 6, thôn M, xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 7, thôn B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Đội 7, thôn B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

(Chị V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh D, bà T vắng mặt và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Lưu Thị V trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/4/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó anh D hay ghen tuông vô cớ, mỗi lần uống rượu về là anh lại gây sự nói chị. Chị đã tìm cách nói chuyện, khuyên bảo anh nhưng anh không nghe nên chị đã dọn ra ngoài ở, vợ chồng sống ly thân từ ngày 10/8/2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Năm 2021, anh D đi lao động tại Đài Loan không nói cho chị biết, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau, thời gian sống ly thân đã lâu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hải A, sinh ngày 16/5/2015, hiện đang ở với bà nội là Đặng Thị T. Cháu Hải A có nguyện vọng được ở với anh D nên chị đề nghị giao con chung cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh D không có mặt tại Việt Nam, chị nhất trí giao cháu Hải A cho bà Đặng Thị T chăm sóc cho đến khi anh D về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do Chị V không cung cấp được địa chỉ của anh D nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh D. Bà Đặng Thị T (mẹ đẻ anh D) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh D ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh D vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh D biết, anh D xác định Chị V không chung thủy với anh, tình cảm vợ chồng không còn. Nay Chị V có đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như Chị V trình bày là đúng, anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu Chị V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam anh ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Đặng Thị T thay anh chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đặng Thị T nhất trí thay anh D chăm sóc cháu Nguyễn Hải A cho đến khi anh D về nước và không yêu cầu đòi hỏi về việc cấp dưỡng.

Con chung của Chị V và anh D là cháu Nguyễn Hải A có nguyện vọng được ở với anh D và bà T.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi Chị V, anh D đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa phương, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, Chị V có biểu hiện không chung thủy với anh D và đã chuyển ra ngoài sinh sống. Năm 2021, anh D đi lao động tại Đài Loan vợ chồng mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến

nhau. Nay Chị V có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị V ly hôn anh Nguyễn Văn D. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hải A cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu Chị V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con chung Nguyễn Hải A cho bà Đặng Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh D không có mặt tại Việt Nam. Chị V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lưu Thị V sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Nguyễn Văn D có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở đội 7, thôn B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện anh D đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị V không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh D cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T là mẹ anh D để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa Chị V và anh D đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà T vẫn thường xuyên liên lạc với anh D và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa Chị V và anh D. Tại phiên tòa, Chị V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh D và bà T cũng có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị V và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/4/2015 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không chia sẻ và không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh D nghi ngờ Chị V không chung thủy, từ đó anh hay uống rượu rồi về

gây sự nói Chì V. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Năm 2021, anh D đi lao động tại Đài Loan cũng không nói cho Chì V biết. Vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau và mỗi người sống một nơi. Nay Chì V xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chì được ly hôn anh D. Thông qua gia đình anh D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa Chì V và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chì V.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chì Lưu Thị V và anh Nguyễn Văn D có 01 con chung là Nguyễn Hải A, sinh ngày 16/5/2015, hiện con đang ở với bà T. Chì V và anh D cùng thống nhất anh D có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên. Anh D tự nguyện không yêu cầu Chì V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, đồng thời ủy quyền cho bà Đặng Thị T thay anh chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Hội đồng xét xử thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của anh chì. Tạm giao con Nguyễn Hải A cho bà T nuôi dưỡng trong thời gian anh D không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chì V, anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chì Lưu Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chì Lưu Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chì Lưu Thị V ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Văn D được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hải A, sinh ngày 16/5/2015 kể từ khi ly hôn cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu Chì V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con chung Nguyễn Hải A cho bà Đặng Thị T nuôi dưỡng trong thời gian anh D không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lưu Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001628 ngày 07/10/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị V và bà Đặng Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Xuân Trường